

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 57/2021/DS-ST

Ngày: 16/7/2021.

*“Yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ trả tiền”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bạch Quảng;

2. Bà: Doãn Thị Lệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc *“Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2021/QĐ-TA ngày 25 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông ZD; địa chỉ: Lô 6 đường 5 Cụm TA, phường TA, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà LTT, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 2, xã HT, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông NVH; địa chỉ: Hẻm 433/5 đường NVX, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/12/2020, bản tự khai cũng như biên bản công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông ZD là Giám đốc chi nhánh Công ty TNHH MTV (trách nhiệm hữu hạn một thành viên) Chuyển phát nhanh TP – chi nhánh Tây Nguyên còn NVH là nhân viên của công ty. Ngày 20/01/2020 NVH gọi điện thoại trực tiếp cho ông ZD và nói gia đình có gặp khó khăn nên hỏi mượn ông ZD tiền, ông ZD đã đồng ý và chuyển khoản cho ông NVH vay số tiền 60.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk. Sau khi nhận được tiền thì ông H có hứa sẽ trả sớm cho ông ZD, tuy nhiên, đến nay đã hơn 01 năm nhưng ông H vẫn không trả số tiền trên.

Nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông NVH phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ là 60.000.000 đồng. Ông ZD không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ trên.

Bị đơn ông NVH trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải:

Trong quá trình hợp tác làm ăn chung thông qua Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh TP – chi nhánh Tây Nguyên thì giữa Công ty và nhân viên có thỏa thuận đồng ý cho nhân viên bên dưới nhận hàng là các loại sản phẩm từ gỗ thu gom từ khách hàng ở các khu vực huyện K – tỉnh Gia Lai. Trong quá trình vận chuyển thì bị Kiểm Lâm khu vực QN bắt giữ xe và hàng hóa. Do đó mà giữa ông NVH và ông ZD tự thỏa thuận cách giải quyết là chung chi cho Kiểm Lâm để lấy xe và hàng hóa ra, không liên quan đến Công ty, số tiền phải chi ra là 30.000.000 đồng, số còn lại chi cho Kiểm Lâm và Công an kinh tế huyện K – tỉnh Gia Lai. Tất cả các khoản chi này không có hóa đơn chứng từ. Do đó số tiền mà ông ZD chuyển cho ông là số tiền dùng cho việc giải quyết công việc của công ty mà không thể sử dụng tiền nội bộ của công ty. Bởi vì số tiền được chi phí trong trường hợp này không thể xuất hóa đơn được.

Về nội dung chuyển tiền từ tài khoản ông ZD cho ông không ghi nội dung, mục đích là gì thì không thể nói đây là số tiền ông ZD chuyển cho ông mượn được.

Ông sẽ cung cấp cho Tòa án những chứng cứ thể hiện cho việc ông ZD chuyển 60.000.000 đồng là việc thỏa thuận giữa ông ZD và ông dùng để chi phí lo giải quyết việc của công ty mà khoản giải quyết thanh toán này không thể xuất hóa đơn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông ZD có đơn yêu cầu tòa án giải quyết “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” với ông NVH là bị đơn có nơi đăng ký HKTT: Hẻm 433/5 NVX, phường HP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông NVH phải trả số tiền đã vay là: 60.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Xét chứng cứ là “*bản sao kê tài khoản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk ngày 24/11/2020*” mà nguyên đơn cung cấp và tại Biên bản hòa giải ngày 24/3/2021 giữa nguyên đơn và bị đơn thì ông NVH thừa nhận là ông ZD có chuyển cho ông số tiền 60.000.000 đồng. Nên chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý và được pháp luật bảo vệ.

Bị đơn ông NVH cho rằng về nội chuyển tiền từ tài khoản ông ZD cho ông không ghi nội dung, mục đích là gì thì không thể nói đây là số tiền ông ZD chuyển cho ông mượn được và ông cho rằng số tiền mà ông ZD chuyển cho ông là số tiền phục vụ cho việc giải quyết công việc của công ty mà không thể sử dụng tiền nội bộ của công ty. Ông sẽ cung cấp cho Tòa án những chứng cứ thể hiện cho việc ông ZD chuyển 60.000.000 đồng là để chi phí lo giải quyết việc của công ty mà khoản giải quyết thanh toán này không thể xuất hóa đơn.

Tuy nhiên đến ngày 06 tháng 4 năm 2021 Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và đến tại phiên tòa xét xử hôm nay bị đơn ông NVH cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh rằng số tiền mà ông ZD chuyển cho ông H vào ngày 21/01/2020 là khoản tiền sử dụng vào công việc của công ty.

Như vậy xét thấy ngoài những lời trình bày trên thì bị đơn không có chứng cứ nào khác để chứng minh rằng việc ông ZD chuyển tiền cho bị đơn số tiền 60.000.000 đồng để sử dụng trong việc giao dịch của Công ty; Nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn sử dụng khoản tiền vay này vào công việc giao dịch của công ty. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 91; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

[2] **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông ZD.

- Buộc ông NVH phải trả cho ông ZD số tiền còn nợ gốc là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng chẵn*).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông NVH phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Trả lại cho ông ZD số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005897 ngày 17/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THA-DS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký